

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA, TỈNH NGHỆ AN**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông Lê Văn Diên.

**Thư ký phiên họp:** Bà Trần Thị An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái hòa, tỉnh Nghệ An. Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-VDS ngày 06 tháng 02 năm 2025, về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Lê Thị K, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Tổ B, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1948.

Địa chỉ cư trú: Tổ B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đình L - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

Theo đơn yêu cầu đề ngày 06/02/2025 cũng như trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Lê Thị K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/4/1950 đã đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/1991 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An). Tuy nhiên trong giấy chứng nhận kết hôn thì UBND xã N ghi ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/8/1950 là do nhầm lẫn. Quá trình bà và ông Chung C sống với nhau thì sinh được 01 (một) người con chung là chị Nguyễn Chung T, sinh năm 1993.

Quá trình chung sống đến ngày 26/6/2024, thì ông C chết. Sau khi ông C chết, bà mới phát hiện ra ông C đã từng đăng ký kết hôn với bà Đỗ Thị B theo Giấy khai kết hôn số 564, đăng ký ngày 23/04/1971 tại Ủy ban hành chính khu Đ, thành

phố Hà Nội và hai người có với nhau 02 (hai) người con chung là anh Nguyễn Hải S, sinh năm 1971 và anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1974. Trước khi ông C đăng ký kết hôn với bà thì ông C đã xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà B và chưa ly hôn với bà B theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà vẫn lừa dối để đăng ký kết hôn với bà là trái quy định của pháp luật, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn C và bà theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, đăng ký ngày 29/10/1991 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, thị xã T).

Về con chung: Con chung giữa bà và ông Nguyễn Văn C đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản khai ngày 10/02/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị B trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/4/1950 đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy khai kết hôn số 564, đăng ký ngày 23/04/1971 tại Ủy ban hành chính khu Đ, thành phố Hà Nội và có với nhau 02 (hai) người con chung là anh Nguyễn Hải S, sinh năm 1971 và anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1974. Quá trình chung sống đến khoảng năm 1991 thì ông C không chung sống với bà nữa và ông C đi đâu, chung sống với ai bà không biết. Đến cuối năm 1993, bà mới biết ông Chung C sống với bà K, còn việc ông C và bà K có đăng ký kết hôn với nhau hay không thì bà không biết. Tuy nhiên giữa bà và ông C chưa ly hôn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trước khi chết, ông C đang chung sống cùng với bà Lê Thị K ở địa chỉ Tổ B, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Sau khi ông C chết thì bà mới phát hiện khi đang còn quan hệ hôn nhân với bà nhưng ông C lại đăng ký kết hôn với bà Lê Thị K vào ngày 29/10/1991 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An) là vi phạm pháp luật, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

Do đó bà đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị K, yêu cầu Tòa án giải quyết Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, đăng ký ngày 29/10/1991 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, thị xã T) vì hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Hai con chung giữa bà và ông Nguyễn Văn C đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản khai ngày 10/02/2025, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã N trình bày:*

Qua kiểm tra xác minh sổ gốc đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã N không còn lưu trữ được. Vào thời điểm năm 1991, ông Vũ Huy C1, giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND xã là người đã ký vào giấy chứng nhận kết hôn cho bà Lê Thị K. Tuy nhiên nay ông Nguyễn Văn C đã chết. Do đó UBND xã N không có thông tin, hồ sơ để xác định việc đăng ký kết hôn giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C có đúng quy định của pháp luật hay không. Do đó UBND xã N đề nghị Tòa án

nhân dân thị xã Thái Hòa căn cứ vào các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và nội dung việc dân sự:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39; các Điều 367; 369 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a điều 7; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8; các Điều 10; 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị K: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, đăng ký ngày 29/10/1991 tại UBND xã N, huyện N (nay là UBND xã N, thị xã T), tỉnh Nghệ An.

Về con chung: Con chung giữa bà K và ông C đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án miễn xét.

Về lệ phí: Bà Lê Thị K được miễn tiền lệ phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật với ông Nguyễn Văn C. Do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã N, huyện N (nay là UBND xã N, thị xã T), tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề có đơn xin vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn C đã kết hôn hợp pháp với bà Đỗ Thị B năm 1971, đến năm 1991 ông C tiếp tục đăng ký kết hôn và chung sống với bà Lê Thị K. Căn cứ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 21/2025/UBND-XNTTHN ngày 09/01/2025 của UBND phường Đ, Quận H, thành phố Hà Nội xác định bà Đỗ Thị

B có chồng nhưng đã chết theo giấy chứng tử số 76/2024 ngày 26/6/2024 của UBND phường T, quận C, thành phố Hà Nội và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 11/2025/UBND-XNTTHN ngày 07/01/2025 của UBND phường T, quận C, thành phố Hà Nội xác định bà Lê Thị K đã kết hôn với ông Nguyễn Văn C nhưng ông Nguyễn Văn C đã chết ngày 26/6/2024 theo trích lục khai tử bản sao số 424/2024/TLKT-BS của UBND phường T sao từ sổ khai tử số 76/2024/TLKT quyền số 01/2024 ngày 26/6/2024 của UBND phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Mặt khác tại Giấy khai kết hôn ngày 23/7/1971 giữa bà B với ông C thì ông C, sinh ngày 08/4/1950 nhưng tại Giấy chứng nhận kết hôn với bà K thì ông C, sinh ngày 04/8/1950. Tuy nhiên căn cứ vào giấy xác nhận số chứng minh nhân dân và sổ định danh cá nhân của Công an quận C, thành phố Hà Nội cung cấp đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn C đã kết hôn với bà B, sau đó kết hôn với bà K là một người. Tại bản khai người đại diện theo pháp luật của UBND xã N trình bày sổ gốc đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã N không còn lưu trữ được và người đã ký vào giấy chứng nhận kết hôn cho bà Lê Thị K đã chết nên không có thông tin, hồ sơ để xác định việc đăng ký kết hôn giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C có đúng quy định của pháp luật hay không. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự nộp có đủ căn cứ khẳng định ông Nguyễn Văn C đã đăng ký kết hôn hợp pháp với bà Đỗ Thị B ngày 23/4/1971 và chưa ly hôn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng lại đăng ký kết hôn với bà Lê Thị K vào ngày 29/10/1991 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An) là trái pháp luật. Do đó căn cứ điểm a Điều 7; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8; các Điều 10; 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị K về “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà K và ông C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, đăng ký ngày 29/10/1991 tại UBND xã N, huyện N (nay là UBND xã N, thị xã T) tỉnh Nghệ An.

[2.2] Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Do việc kết hôn giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C vi phạm điểm a Điều 7; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên đây là kết hôn trái pháp luật. Do đó kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Con chung giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên bà K không yêu cầu giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét

Về tài sản: Bà Lê Thị K không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Kiến nghị: Kiến nghị UBND xã N, thị xã T thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị K không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; các Điều 367; 369 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Điều 7; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8; các Điều 10; 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lê Thị K. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, đăng ký ngày 29/10/1991 tại UBND xã N, huyện N (nay là UBND xã N, thị xã T) tỉnh Nghệ An.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Con chung giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên bà K không yêu cầu giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét

- Về tài sản: Bà Lê Thị K không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Kiến nghị UBND xã N, thị xã T thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn C theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị K không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã N (ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

**Lê Văn Diên**